# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

**CÔNG TY CP QUỸ ĐẦU TƯ THÀNH CÔNG**
199 Phan Đình Phùng, Phường Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
**Mã số PO của khách hàng :** LX2R2609110295

**Mã số mẫu : 743-2026-00247758**

**Mã số EoI :** 005-32410-923019
**Tên mẫu / Tên sản phẩm :** Rượu Sâm Ngọc Linh
**Mô tả mẫu :** Mẫu thành phẩm
**Ngày nhận mẫu :** 12/09/2026 **Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :** 30/09/2026
**Thời gian kiểm nghiệm :** 16/09/2026 - 30/09/2026

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ | KẾT QUẢ |
|---|---|---|---|---|
| 1 | VD042 VD (a) **Ethanol** | % v/v | EVN-R-RD-1-TP-3671 (Tham khảo AOAC 972.10; AOAC 2011; FAO Animal production and health) | **21.9** |
| 2 | VD922 VD (a) **Aldehyd (theo axetaldehyd)** | mg/ l | EVN-R-RD-1-TP-3672 (Tham khảo TCVN 8898:2012) | **7.5** |
| 3 | VD630 VD **Màu sắc** | | EVN-R-RD-2-TP-3552 (Tham khảo TCVN 12387:2018 (ISO 6658:2017)) | **Màu nâu vàng** |
| 4 | VD630 VD **Mùi** | | EVN-R-RD-2-TP-3552 (Tham khảo TCVN 12387:2018 (ISO 6658:2017)) | **(1)** |
| 5 | VD630 VD **Trạng thái** | | EVN-R-RD-2-TP-3552 (Tham khảo TCVN 12387:2018 (ISO 6658:2017)) | **Dạng lỏng, đồng nhất** |
| 6 | VD630 VD **Vị** | | EVN-R-RD-2-TP-3552 (Tham khảo TCVN 12387:2018 (ISO 6658:2017)) | **Vị đặc trưng của sản phẩm** |
| 7 | VDSAP EXT **Saponin tổng** | mg/ g | HD.PP.88/KXN.LH:2026 (Ref. Codex 321:2015 Appendix 2) | **1.15** |
| 8 | VDZT6 VD (m) **Carbohydrates** | g/ 100 ml | FAO Food and Nutrition paper 77 | **Không phát hiện (LOD=0.1)** |
| 9 | VD5HC VD (a) **Ethyl Acetat** | mg/ l | AOAC 972.10 | **Phát hiện vết(<5)** |
| 10 | VD5HF VD (a) **Methanol** | mg/ l | AOAC 972.10 | **Không phát hiện (LOD=10)** |
| 11 | VD5QQ EXT **Hàm lượng rượu bậc cao tính theo metyl-2-propanol-1** | mg/ l cồn 100° | AOAC 2019 (968.09); AOAC (968.09) (GC-FID) | **Không phát hiện (LOD=4.07)** |
| 12 | VDPD4 VD (a) **Đạm** | g/ 100 ml | TCVN 10034:2013 (ISO 1871:2009) | **Không phát hiện (LOD=0.1)** |
| 13 | VDPE4 VD (a) **Béo** | g/ 100 ml | EVN-R-RD-2-TP-3498 | **Không phát hiện (LOD=0.1)** |
| 14 | VDPF4 VD (a) **Tro tổng** | g/ 100 ml | EVN-R-RD-2-TP-3497 | **Không phát hiện (LOD=0.05)** |

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

**Mã số mẫu : 743-2026-00247758**

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ | KẾT QUẢ |
|---|---|---|---|---|
| 15 | VDDW2 VD (a) **Độ ẩm** | g/ 100 ml | EVN-R-RD-2-TP-3496 | **97.3** |
| 16 | VDZV6 VD (m) **Năng lượng có tính ethanol** | kcal/ 100 ml | FAO Food and Nutrition paper 77 | **149** |
| 17 | VDZW6 VD (a) **Natri (Na)** | mg/ l | EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23) | **16.7** |
| 18 | VDPG4 VD (a) **Xơ dinh dưỡng** | g/ 100 ml | AOAC 991.43 | **Không phát hiện (LOD=0.05)** |

(1) : Mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ.
Phát hiện vết: kết quả ≥ LOD và < LOQ.
LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

**Ký tên**

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

M.S.D.N:0311526885-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH EUROFINS SÁC KÝ HẢI ĐĂNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 05/10/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 05/10/2026.

**Ghi chú giải thích**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tại-việt-nam/eurofins-sắc-ký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,…) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại các phòng thí nghiệm ngoài hệ thống Eurofins.
(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.

# ANALYTICAL REPORT

**CÔNG TY CP QUỸ ĐẦU TƯ THÀNH CÔNG**
199 Phan Đình Phùng, Phường Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh, VIETNAM
**Your purchase order reference:** LX2R2609110295

**Sample Code : 743-2026-00247758**

**Eol code :** 005-32410-923019
**Sample described as:** Ngoc Linh Ginseng
**Sample packaging :** Finished product
**Sample reception date:** 12/09/2026 **Client due date :** 30/09/2026
**Analysis period :** 16/09/2026 - 30/09/2026

| NO. | PARAMETERS | UNIT | TEST METHOD | RESULTS |
|---|---|---|---|---|
| 1 | VD042 VD (a) **Ethanol** | % v/v | EVN-R-RD-1-TP-3671 (Ref. AOAC 972.10; AOAC 2011; FAO Animal production and health) | **21.9** |
| 2 | VD922 VD (a) **Aldehyde (calculated as acetaldehyde)** | mg/ l | EVN-R-RD-1-TP-3672 (Ref. TCVN 8898:2012) | **7.5** |
| 3 | VD630 VD **Appearance** | | EVN-R-RD-2-TP-3552 (Ref. TCVN 12387:2018 (ISO 6658:2017)) | **Identify fluid** |
| 4 | VD630 VD **Color** | | EVN-R-RD-2-TP-3552 (Ref. TCVN 12387:2018 (ISO 6658:2017)) | **Yellowish-brown** |
| 5 | VD630 VD **Odor** | | EVN-R-RD-2-TP-3552 (Ref. TCVN 12387:2018 (ISO 6658:2017)) | **(1)** |
| 6 | VD630 VD **Taste** | | EVN-R-RD-2-TP-3552 (Ref. TCVN 12387:2018 (ISO 6658:2017)) | **The product has a distinctive flavor** |
| 7 | VDSAP EXT **Total saponins** | mg/ g | HD.PP.88/KXN.LH:2026 (Ref. Codex 321:2015 Appendix 2) | **1.15** |
| 8 | VDZT6 VD (m) **Carbohydrates** | g/ 100 ml | FAO Food and Nutrition paper 77 | **Not detected (LOD=0.1)** |
| 9 | VDPD4 VD (a) **Protein** | g/ 100 ml | TCVN 10034:2013 (ISO 1871:2009) | **Not detected (LOD=0.1)** |
| 10 | VDPE4 VD (a) **Fat** | g/ 100 ml | EVN-R-RD-2-TP-3498 | **Not detected (LOD=0.1)** |
| 11 | VDPF4 VD (a) **Ash** | g/ 100 ml | EVN-R-RD-2-TP-3497 | **Not detected (LOD=0.05)** |
| 12 | VDDW2 VD (a) **Moisture** | g/ 100 ml | EVN-R-RD-2-TP-3496 | **97.3** |
| 13 | VDZV6 VD (m) **Energy including ethanol** | kcal/ 100 ml | FAO Food and Nutrition paper 77 | **149** |
| 14 | VDZW6 VD (a) **Sodium (Na)** | mg/ l | EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23) | **16.7** |

# ANALYTICAL REPORT

**Sample Code : 743-2026-00247758**

| NO. | PARAMETERS | UNIT | TEST METHOD | RESULTS |
|---|---|---|---|---|
| 15 | VDPG4 VD (a) **Dietary fiber** | g/ 100 ml | AOAC 991.43 | **Not detected (LOD=0.05)** |
| 16 | VD5HC VD (a) **Ethyl Acetate** | mg/ l | AOAC 972.10 | **Traces(<5)** |
| 17 | VD5QQ EXT **Higher alcohols content as methyl-2-propanol-1** | mg/ l ethanol 100° | AOAC 2019 (968.09); AOAC (968.09) (GC-FID) | **Not detected (LOD=4.07)** |
| 18 | VD5HF VD (a) **Methanol** | mg/ l | AOAC 972.10 | **Not detected (LOD=10)** |

(1) : The product has its characteristic odorl, with no strange odors.
Traces: result ≥ LOD and < LOQ.
LOD: Limit Of Detection.
LOQ: Limit Of Quantitation.

**SIGNATURE**

Nguyễn Anh Vũ
Business Unit Manager Food & Feed Testing in HCMC

M.S.D.N:0311526885-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH EUROFINS SÁC KÝ HẢI ĐĂNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Managing Director

Report electronically validated by Nguyễn Anh Vũ 05/10/2026, and electronically approved by Lý Hoàng Hải 05/10/2026.

**EXPLANATORY NOTE**

Test results are only valid on the tested sample provided by client. The sample and client information are written as client's request.
This report shall not be reproduced in parts or referred to Eurofins Sac Ky Hai Dang in advertising, promotional activities or activities that may cause conflicts of interest.
Samples are normally kept for 10 days after issuing the test report (sample retention does not apply to microbiological and perishable samples). The sample retention may be longer depending on the contract agreed with the client or requirement of authorities.
Once the sample retention time expires, Eurofins Sac Ky Hai Dang is not responsible for client complaints about test results.
This result report is issued based on the agreed requirements between Eurofins Sac Ky Hai Dang and client; and, in accordance with "general terms and conditions of service", published at www.eurofins.vn/en/eurofins-network-in-vietnam/eurofins-sac-ky-hai-dang/general-terms-conditions-of-services-supply/.
Any unauthorized copy, alteration, forgery or falsification of content or appearance of this document is illegal and violators may be prosecuted to the law.
All test methods begin with characters EVN; A39; N79; EHC are internal methods developped by Eurofins Sac Ky Hai Dang.
All test methods (AOAC, internal method,...) which did not state the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Test codes begin with "VD", "VE", "VW" and do not have "EXT" attached are performed at Eurofins Sac Ky Hai Dang.
Test codes begin with "VD", "VE", "VW" and have "EXT" attached are performed by non Eurofins laboratories.
(a): under accredition of ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): under accredition of ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.